

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 296/2020/DS-PT
Ngày: 23-12-2020
V/v tranh chấp ranh đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nhật Thư là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 322/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ranh đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 157/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 296/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh P– sinh năm 1973 (có mặt)

2. Bà Lâm Ngọc N– sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 27, đường R, khóm 2, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Y– sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện V, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Hoàng B – sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số 7, đường I, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Hồng H, sinh năm 1930 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Hoài L, sinh năm 1957 (vắng mặt)

3. Anh Phạm Trung T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

4. Chị Huỳnh Tây T1, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 25, đường R, khóm 2, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

5. Anh Nguyễn Can T2, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 31, đường R, khóm 2, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

6. Bà Nguyễn Kim L2, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện V, tỉnh C.

7. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện O, tỉnh C

8. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã M, huyện V, tỉnh C.

9. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 290, đường Q, khóm 1, phường 1, thành phố C, tỉnh C.

10. Ông Phạm Minh C, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện V, tỉnh C.

11. Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau (vắng mặt).

Địa chỉ: số 77, đường Q, phường 9, thành phố C, tỉnh C

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Y và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P và bà Lâm Ngọc N trình bày:* Năm 2009, vợ chồng ông nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông Trương Văn Tiễn, diện tích đất 340,4m², chiều ngang 4,6m, chiều dài 74m, khi nhận chuyển nhượng có căn nhà cấp 4 chiều ngang mặt tiền 4,4m, chiều ngang mặt hậu 3,8m, dài 32m, nhà và đất tọa lạc tại số 27, đường R, khóm 2, phường 8, thành phố C, được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 991086 ngày 28/7/2009 đứng tên Lâm Ngọc N và Nguyễn Thanh P tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 16. Sau khi nhận chuyển nhượng nhà và đất thì vợ chồng ông sử dụng liên tục cho đến nay. Quá trình sử dụng đến khoảng tháng 10 năm 2018 do hàng rào bị hư hỏng, vợ chồng ông, bà tiến hành sửa chữa hàng rào thì phát hiện bà Nguyễn Thị Hồng Y đã lấn sang phần đất của vợ chồng ông, bà tổng diện tích là 35m² để bà Y xây khung xi măng bảo vệ đồng hồ nước, một phần vách tường nhà và tường nhà vệ sinh. Phía sau bà Y cắm 04 trụ đá, trồng 04 cây dừa nhỏ, 01 cây dừa lớn. Giữa phần đất của vợ chồng ông, bà với phần đất của bà Y có đường mương thoát nước nằm trong diện tích đất của vợ chồng ông, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu bà Y trả phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 28,9m². Yêu cầu bà Y, bà L và anh T chấm dứt hành vi ngăn cản nguyên đơn sử dụng phần đất diện tích 28,9m². Không yêu cầu bà Y tháo dỡ di dời phần bức tường nhà lấn chiếm 1,1m² đất, phần bức tường nhà vệ sinh lấn chiếm 0,9m², không yêu cầu di dời đồng hồ nước trên đất tranh chấp để bà Y tiếp tục sử dụng, khi nào bà Y tháo dỡ, sửa chữa thì trả lại; yêu cầu bà Y phải trả lại chi phí tố tụng là 8.127.000 đồng.

- *Bị đơn, bà Nguyễn Thị Hồng Y trình bày:* Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do cha mẹ ruột của bà là ông Nguyễn Văn Như và bà Ngô Hồng H nhận chuyển

nhượng của ông Chín Tuổi vào năm 1964, phần đất có chiều ngang 4,6m, chiều dài 70m. Tổng diện tích 322m², tọa lạc tại khóm 2, phường 8, thành phố C, tỉnh C. Cha mẹ bà và các anh chị em bà cất nhà ở trên phần đất này là một căn nhà tiền chế chiều ngang 3,6m, chiều dài 19m. Năm 2000, ông Như qua đời, đến khoảng năm 2015 mẹ bà và các anh chị em của bà đã họp gia đình và thống nhất cho bà toàn bộ phần nhà và đất này. Giấy tờ đất của chế độ cũ cấp cho cha mẹ bà bị thất lạc, chỉ có bản vẽ do Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố C lưu giữ. Đã qua mẹ bà và gia đình bà chưa làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo quy định. Quá trình sử dụng đất, gia đình bà có đóng thuế đầy đủ nhưng hiện nay không còn giữ biên lai thu tiền thuế mà bà đã nộp cho Trưởng khóm 2, phường 8, thành phố C để giải quyết tranh chấp. Vào năm 2018, Nhà nước đã giải tỏa một phần nhà để làm lộ, hiện nay bà không xác định rõ chiều dài căn nhà còn bao nhiêu mét, căn nhà hiện nay do mẹ của bà đã trên 90 tuổi và chị của bà là Nguyễn Thị Hoài L 60 tuổi bị mù cùng con của bà là Phạm Trung T 32 tuổi và cháu của bà là Huỳnh Tây T1 15 tuổi đang ở. Phía giáp ranh với đất ông P và bà N có con mương, bà không rõ chiều ngang, chiều dài bao nhiêu, vì hiện nay không còn con mương, bà xác định phần đất tranh chấp nằm trong diện tích đất của gia đình bà vì trong thời gian sử dụng đất bà đã xây nhà ở và nhà vệ sinh trên phần đất của gia đình bà và đặt 01 đồng hồ nước. Hiện nay, bà N và ông P cho rằng phần đất tranh chấp của ông P và bà N thì đã lấn sang một phần nhà nhà vệ sinh và vách tường nhà của bà. Đồng thời, trên đất bà có trồng 04 cây dừa nhỏ, 01 cây dừa lớn trên 30 năm tuổi, bà cũng đã cắm 04 trụ đá để xác định ranh đất của gia đình bà. Bà xác định không lấn chiếm ranh đất của ông P và bà N như ông P và bà N khởi kiện nên không đồng ý trả đất.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cụ Ngô Hồng H, bà Nguyễn Kim L2, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị Đ trình bày:* Căn nhà và đất tọa lạc tại số 25, đường R, khóm 2, phường 8, thành phố C giáp ranh với nhà và đất ông P bà N có nguồn gốc do bà Ngô Hồng H nhận chuyển nhượng. Bà Nguyễn Kim Phụng là con gái bà H ở trên đất và đăng ký kê khai. Sau khi bà Phụng qua đời, có tranh chấp giữa cụ H, bà Y với anh Nguyễn Can T2 là con của bà Phụng, bà Y đã trả cho anh T2 một khoản tiền để anh T2 trả lại nhà đất, vì vậy cụ H đã tặng cho phần diện tích đất này cho bà Y, việc tặng cho này các chị em bà thống nhất không tranh chấp và thống nhất phần đất thửa 203 tờ bản đồ 15 chỉnh lý năm 2009 tọa lạc tại khóm 2 phường 8 thành phố C, tỉnh C thuộc quyền sử dụng đất của bà Y.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Can T2 trình bày:* Anh là con của bà Nguyễn Kim Phụng thừa nhận sau khi mẹ anh qua đời, anh với bà ngoại là bà H và bà Y có tranh chấp, đã giải quyết xong bằng cách thỏa thuận bà Y trả cho anh 50.000.000 đồng, anh giao trả nhà và đất nói trên cho bà H và bà Y. Anh không liên quan gì đến phần đất tranh chấp hiện nay.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Minh C (chồng bà Y) trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của bà Y, phần đất thửa 203 tờ bản đồ 15 chỉnh lý năm 2009 tọa lạc tại khóm 2 phường 8 thành phố C, tỉnh C do mẹ vợ của ông là cụ Ngô Hồng H đã tặng cho vợ chồng ông.

Tại bản án sơ thẩm số 157/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Thanh P, bà Lâm Ngọc N.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Y cùng chồng là ông Phạm Minh C trả cho ông Nguyễn Thanh P bà Lâm Ngọc N phần đất diện tích 28,9m² tọa lạc tại khóm 2 phường 8 thành phố C, tỉnh C, có vị trí M1M2N6N5N4 thể hiện tại bản trích đo hiện trạng ngày 19/3/2020 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc tài nguyên và Môi trường.

Bà Nguyễn Thị Hồng Y, bà Nguyễn Thị Hoài L và anh Phạm Trung T không được quyền ngăn cản ông Nguyễn Thanh P bà Lâm Ngọc N sử dụng phần đất diện tích 28,9m² tọa lạc tại khóm 2 phường 8 thành phố C, tỉnh C, có vị trí M1M2N6N5N4 thể hiện tại bản trích đo hiện trạng ngày 19/3/2020 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc tài nguyên và Môi trường.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Y trả lại cho ông Nguyễn Thanh P, bà Lâm Ngọc N chi phí tố tụng số tiền 8.127.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng Y, bà Nguyễn Thị Hoài L, có quyền di dời các cây trồng và tài sản có trên phần đất diện tích 28,9m² tọa lạc tại khóm 2 phường 8 thành phố C, tỉnh C, có vị trí M1M2N6N5N4 thể hiện tại bản trích đo hiện trạng ngày 19/3/2020 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc tài nguyên và Môi trường.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/10/2020 ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Hồng Y kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P và bà Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Y giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để xác định diện tích đất tranh chấp thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ai và các công trình kiến trúc gồm nhà ở, nhà vệ sinh, đồng hồ nước được làm trên đất lúc nào và các cây dừa được trồng trên đất lúc nào, trước khi nguyên đơn nhận chuyển nhượng nhà đất hay sau khi nguyên đơn nhận chuyển nhượng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Y và ông Phạm Minh C, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất đang tranh chấp hiện nay giữa ông P, bà N với bà Y là phần đất nằm xem giữa căn nhà của ông P, bà N và bà Y có diện tích theo đo đạc thực tế là 28,9m². Có vị trí M1M2N6N5N4 theo bản trích đo hiện trạng ngày 19/3/2020 (BL 67). Bà Y cho rằng phần đất tranh chấp do mẹ bà Y cùng với các chị em bà cất nhà ở quản lý và sử dụng cách nay trên 30 năm, đã trồng 04 cây dừa tại đoạn giữa phần đất tranh chấp để làm ranh. Khi ông P và bà N mua nhà đất thì trên đất tranh chấp gia đình bà đã trồng dừa và đã có nhà của gia

đình bà đang ở. Tại phiên tòa, ông P và bà N vẫn thừa nhận, khi ông P và bà N nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông Tiễn căn nhà có chiều ngang mặt tiền 4,42m phần đất trống còn lại là 0,18m giáp vách nhà của gia đình bà Y. Phần đất còn lại giữa ông P và bà N và gia đình bà Y chưa sử dụng là phần đất giáp phía sau hậu nhà xen giữa hai căn nhà của ông P, bà N và bà Y. Ông P và bà N thừa nhận khi nhận chuyển nhượng đất của ông Tiễn thì giữa ông P và bà N không có yêu cầu gia đình bà Y xác định ranh đất mà chỉ nhận chuyển nhượng nhà đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tiễn có chiều ngang mặt tiền 4,6m, chiều ngang mặt hậu là 4,6m, nhưng thực tế trên đất có căn nhà của ông Tiễn chỉ cất chiều ngang mặt tiền 4,42m, chiều ngang mặt hậu 3,8m nên phần đất của ông P, bà N còn lại chưa sử dụng chiều ngang mặt tiền là 0,18m, chiều ngang mặt hậu là 0,8m. Phần đất còn lại giáp ở hậu đất thì ông P và bà N đã làm hàng rào đủ chiều ngang mặt hậu là 4,6m. Khi ông P và bà N tháo dỡ hàng rào để làm lại để sử dụng phần đất còn lại 0,8 m chưa sử dụng cho đủ diện tích thẳng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát sinh tranh chấp. Trong khi đó, phần đất ông P và bà N chưa sử dụng là phần đất đã có nhà ở, nhà vệ sinh, đồng hồ điện do gia đình bà Y đang quản lý sử dụng. Trên đất tranh chấp có 4 cây dừa do gia đình bà Y trồng, trong đó có một cây dừa ông P và bà N thừa nhận do gia đình bà Y trồng trước khi ông nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông Tiễn. Đồng thời, ông P và bà N cũng thừa nhận khoảng năm 2014, gia đình bà Y sửa chữa lại nhà thì ông P và bà N phát hiện gia đình bà Y làm nhà có lán chiếm phần đất 0,8m của ông P và bà N chưa sử dụng, nhưng ông P và bà N vẫn đồng ý cho gia đình bà Y cất nhà để nhà của bà Y có mặt tiền và mặt hậu bằng nhau vì đất của gia đình bà Y bị xéo góc ở hậu đất.

[2] Xét thấy phần đất tranh chấp hiện nay, ông P và bà N cho rằng của ông P và bà N là chỉ thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi ông P và bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chỉ làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất từ ông Tiễn sang cho ông P và bà N, nhưng trên thực địa thì phần đất tranh chấp ông P và bà N vẫn thừa nhận phần đất ở đoạn giữa hai căn nhà do gia đình bà Y quản lý sử dụng, trồng dừa, cất nhà ở và nhà vệ sinh trước khi ông P và bà N nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông Tiễn. Sau khi ông P và bà N nhận chuyển nhượng nhà, đất thì đã ở và quản lý nhà, làm hàng rào bao hết phần đất trống ở sau hậu nhà và quản lý chiều ngang mặt hậu đủ 4,6m. Tuy nhiên hiện nay, ông P và bà N mới xác định phần đất ở đoạn giữa đất của ông P và bà N với đất của gia đình bà Y đã được gia đình bà Y lán chiếm một phần khi bà Y cất nhà. Việc lán chiếm này trước khi ông P và bà N nhận chuyển nhượng đất của ông Tiễn. Trong thời gian ông Tiễn quản lý đất vẫn không có ý kiến gì đối với gia đình của bà Y, khi gia đình bà Y cất nhà ở đã lán chiếm phần đất chiều ngang 0,8m. Đến năm 2014, gia đình bà Y sửa chữa lại nhà cũ cũng vẫn tiếp tục lán chiếm phần đất chiều ngang 0,8m nhưng ông P, bà N cũng thống nhất và không ngăn cản. Phần đất trống còn lại ở vị trí sau hậu đất không tranh chấp ông P và bà N đã làm hàng rào để quản lý đất. Hiện nay, ông P và bà N tháo dỡ hàng rào để làm lại hàng rào cho thẳng hàng và đủ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P và bà N chiều ngang mặt tiền và chiều ngang mặt hậu là 4,6m, chiều dài 72m nên yêu cầu gia đình bà Y phải trả lại đất lán chiếm chiều ngang 0,8m và không yêu cầu gia đình bà Y tháo dỡ một phần nhà ở và một phần nhà vệ sinh mà vẫn để cho

gia đình bà Y tiếp tục sử dụng đến khi nào gia đình bà Y dỡ nhà thì phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho ông P và bà N là không có cơ sở. Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y và ông C, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Y đã chứng minh được trên phần đất tranh chấp hiện nay đã được gia đình bà Y cất nhà ở và trồng dừa trước khi ông P, bà N nhận chuyển nhượng đất và nhà của ông Tiền được ông P và bà N thừa nhận. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y và ông C.

[4] Tại phiên tòa Viện kiểm sát Tòa án nhân dân tỉnh đề nghị ngừng phiên tòa để xác định các cây dừa do gia đình bà Y trồng trên đất tranh chấp lúc nào, nhà gia đình bà Y cất lấn chiếm một phần đất tranh chấp là cất thời gian nào, trước hay sau khi ông P và bà N nhận chuyển nhượng đất nhưng tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận gia đình bà Y đã cất nhà ở trước khi ông P và bà N nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông Tiền, các cây dừa cũng được trồng ở đoạn giữa hai phần đất giữa gia đình bà Y và gia đình ông Tiền. Khi ông P và bà N nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông Tiền thì trên phần đất tranh chấp đã có nhà và có 04 cây dừa. Vì vậy, không cần thiết phải ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thanh P và bà Lâm Ngọc N phải chịu số tiền 8.127.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông P và bà N phải chịu không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Hồng Y không phải chịu.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y và ông C nên bà Y và ông C không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Y và ông Phạm Minh C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 157/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Thanh P, bà Lâm Ngọc N về việc buộc bà Nguyễn Thị Hồng Y cùng chồng là ông Phạm Minh C trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 28,9m² tọa lạc tại khóm 2 phường 8 thành phố C, tỉnh C thể hiện tại bản trích đo hiện trạng ngày 19/3/2020 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc tài nguyên và Môi trường.

Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thanh P, bà Lâm Ngọc N phải chịu chi phí tố tụng số tiền 8.127.000 đồng (*Tám triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng*). Đã qua ông P và bà N đã nộp đủ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh P, bà Lâm Ngọc phải chịu 300.000 đồng. Đã qua ông P và bà N có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001004 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, ngày 02/12/2019 được chuyển thu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Y và ông Phạm Minh C không phải chịu. Đã qua bà Y và ông C có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002480 ngày 07/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi Cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan